

**HOW TO CRACK THE
IELTS
WRITING
TEST** 



HOW TO CRACK THE IELTS WRITING TEST – VOL 1

Copyright © Đặng Trần Tùng, 2020

Sách được xuất bản và phát hành theo hợp đồng hợp tác xuất bản độc quyền ký kết giữa tác giả và Công ty Cổ phần Sách Alpha, 2019

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Công ty Cổ phần Sách Alpha.

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch:

publication@alphabooks.vn

Liên hệ hợp tác về nội dung số: ebook@alphabooks.vn

Liên hệ hợp tác xuất bản & truyền thông trên sách:

project@alphabooks.vn

Liên hệ dịch vụ tư vấn, đại diện & giao dịch bản quyền:

copyright@alphabooks.vn

ĐẶNG TRẦN TÙNG
ĐẶNG BÍCH PHƯƠNG



HOW TO CRACK THE IELTS WRITING TEST

VOL.
1

Giải mã mọi dạng bài
trong IELTS Writing Task 2



alphabooks®
knowledge is power

gamma
bridging languages

NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI

LỜI KHEN TẶNG

“How to crack the IELTS Writing test – Vol 1 provides idiomatic and more complex vocabulary within the contexts of model essay. A bilingual asset for Vietnamese IELTS candidates, it uses a range of dynamic visual and typographical features to create an authentic and impactful resource for mid-to-high-level learners.”



T.S. Martin B. Andrew, Chuyên gia Phương pháp Giáo dục Xuyên ngành và Xuyên quốc gia



“How to crack the IELTS Writing test – Vol 1 có cách truyền đạt đúng trọng tâm, dễ hiểu và hiệu quả. Người học được tiếp cận nhiều chủ đề đa dạng và cập nhật thuộc các chủ điểm thường gặp trong kì thi IELTS. Mỗi chủ đề cung cấp cho người học những hướng dẫn ngắn gọn để từng bước chuẩn bị ý tưởng, nâng cấp từ vựng, cải thiện ngữ pháp, tổ chức và hoàn thiện bài viết. Tôi tin tưởng cuốn sách là món quà ý nghĩa mà Tùng và các cộng sự đầy tâm huyết dành tặng cho các thí sinh IELTS.”

Cô Trần Thị Hiếu Thủy, Thạc sĩ TESOL, giảng viên Phương pháp Giảng dạy tiếng Anh, khoa Sư phạm tiếng Anh – trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội

“Tôi được 9.0 IELTS Writing và đang học thêm từ cuốn sách này.”

Vũ Hải Đăng – Chevenor, 9.0 IELTS Writing





“Bí kíp bỏ túi không thể bỏ qua cho những ai muốn giành điểm cao trong bài thi IELTS Writing. Cuốn sách cung cấp những chỉ dẫn chi tiết về phương pháp thực hành đến từ những thí sinh IELTS thành công nhất Việt Nam. Qua cách trình bày dễ hiểu và dễ vận dụng, các tác giả đã giới thiệu tới người đọc nhiều cách tiếp cận một chủ đề với nhiều góc nhìn đa dạng nhưng vẫn rất gần gũi với cuộc sống. Qua đó, người đọc có thể tự tin luyện thi IELTS Writing và đạt được thành công trên con đường học vấn tương lai.”

Thầy Nguyễn Tuấn Hải, Fullbrighter, Thạc sĩ Princeton, CEO trường Quốc tế Mỹ St. Nicholas tại Đà Nẵng

“Việc tìm cho mình một người hướng dẫn tốt và một cuốn sách tham khảo hữu ích khi học IELTS là hai điều cực kì quan trọng quyết định thành bại của việc đạt được band điểm như mong muốn. Và *How to crack the IELTS Writing test – Vol 1* có đủ cả hai điều đó. Từng trang sách là tâm huyết và thành quả nghiên cứu nghiêm túc của các tác giả. Với những ai đang cảm thấy áp lực nặng nề trong phần thi được nhiều người đánh giá là khó nhất của IELTS – Writing Task 2 – thì đây chính là cuốn sách bạn nên có trên tay.”



Nguyễn Hà Duy, Trưởng ban Giáo dục – Khoa học Kenh14.vn

ĐÔI LỜI TÁC GIẢ

Viết chắc là kĩ năng tôi đằm đuối nhất trong bốn kĩ năng của IELTS.

Trong quá trình tìm hiểu về kĩ năng Viết, một trong những phương pháp giúp tôi không chỉ nâng band điểm Writing mà còn trở thành một người viết tiếng Anh tốt hơn đó là tham khảo các bài văn mẫu. Sau khi đối chiếu rất nhiều bài thuộc nhiều chủ đề, được viết bởi nhiều tác giả khác nhau với các cách tiếp cận không ai giống ai, tôi đã hình thành được cho mình phong cách riêng. Và đó là điều tôi hi vọng độc giả của *How to crack the IELTS Writing test – Vol. 1* có thể làm được sau khi đọc xong cuốn sách.

John Mayer là nghệ sĩ guitar mà tôi rất hâm mộ. Trong một video dạy chơi bài hát do anh sáng tác, John có nói một câu mà tôi nhớ mãi: “Đừng chỉ học chơi một đoạn nhạc mà bạn thích, hãy học ý tưởng truyền cảm hứng cho đoạn nhạc đó. Bạn sẽ giỏi hơn gấp 10 lần.” Đây thực sự là tinh thần mà tôi muốn truyền tải qua cuốn sách này. Tôi không muốn các bạn viết giống tôi và Phương. Tôi không muốn các bạn học thuộc bài mẫu mà chúng tôi viết và bê nguyên chúng vào trong phòng thi. Cái chúng tôi muốn là bạn hiểu được tại sao chúng tôi lại viết như vậy, tại sao chúng tôi dùng từ như vậy, và làm thế nào chúng tôi đến được cái đích là một bài viết hoàn chỉnh từ một dàn ý thô sơ. Do đó, thay vì chỉ viết các bài văn mẫu và xuất bản chúng như một tuyển tập văn học, Phương và tôi đã xây dựng một hệ thống bài tập đi kèm với từng bài viết để các bạn có thể làm chủ những tinh hoa trong văn của chúng tôi và áp dụng nó vào bài viết của các bạn. Nếu các bạn có thể làm được điều đó sau khi gấp lại cuốn sách này thì tức là chúng tôi đã thành công.

Nhân đây, tôi muốn cảm ơn người cộng sự đã đồng hành cùng tôi trong suốt quá trình làm sách, người em, người đồng nghiệp và người giáo viên tôi rất nể phục – cô Đặng Bích Phương. Tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn tới đội ngũ Alpha Books đã tin tưởng tôi và Phương với dự án sách thứ hai này trong series *How to crack the IELTS test*. Cảm ơn chị Lê, chị Thu, chị Phương Anh cùng những anh hùng thầm lặng trong team thiết kế, marketing và tất cả các bộ phận mà nếu không có họ, cuốn sách này sẽ không thể hiện hình trên tay của độc giả.

Cuối cùng, cảm ơn Hoa, vợ của anh. Cảm ơn em đã luôn luôn “động viên” (thúc) anh hoàn thành cuốn sách, đưa ra những góp ý hữu ích trong quá trình sản xuất và phối kết hợp giữa The IELTS Workshop và Alpha Books để đưa con tinh thần này có thể ra đời.”

Tác giả Đặng Trần Tùng

Từ hồi tiểu học, tôi đã có niềm yêu thích đặc biệt với môn tiếng Anh và Văn học. Sự say mê ấy vẫn cuốn lấy tôi nhiều năm về sau, khiến tôi miệt mài luyện viết và miệt mài tìm tòi những phương thức dạy viết hiệu quả nhất cho học sinh của mình.

Trong quá trình tìm cách bẻ khóa IELTS Writing, tôi thường đọc các bài luận của những chuyên gia IELTS và cả các “cao thủ” trong làng IELTS Việt. Ban đầu, tôi phân tích bài và thử bắt chước, dần dần tích lũy kinh nghiệm cho mình, rồi chuyển sang tìm cách thoát khỏi cách hành văn bay bướm dài dòng để hướng tới sự tối giản tinh gọn. Bên cạnh đó, tôi đã luyện cho mình thói quen viết thường xuyên qua việc giải đề thi IELTS cập nhật hằng tuần. Quả thực, bài mẫu đọc thì thấy dễ, lại tưởng rằng mình nắm kiến thức như lòng bàn tay nhưng khi đặt bút viết mới biết mình còn “non và xanh” lắm.

“Practice makes perfect” – chân lý chưa bao giờ lỗi thời. Đối với *How to crack the IELTS Writing test – Vol. 1*, tôi và anh Tùng hi vọng cuốn sách sẽ tiếp thêm động lực để đọc giả, đặc biệt là các bạn đang chuẩn bị thi IELTS, kiên trì hơn với việc luyện tập. Và đến một ngày, có thể các bạn sẽ tự kinh ngạc nhận ra mình đã đi được quãng đường dài thế nào khi nhìn lại những bài viết có đôi phần “ngô nghê” thuở mới đầu.

Nhân đây, tôi muốn tỏ lòng biết ơn và kính phục đối với người cộng sự của mình trong dự án này, anh Đặng Trần Tùng. Anh vừa là sếp, là đồng nghiệp, là người anh, người thầy luôn truyền cảm hứng cho tôi vì sự hết lòng của anh đối với học sinh, vì tài năng và cả đam mê vô tận đối với việc nghiên cứu ngôn ngữ (dù đã 3 lần đạt 9.0 IELTS nhưng anh vẫn sẽ thi tiếp nhiều lần nữa cho tới khi chinh phục được điểm 9 “tròn”). Cảm ơn những lời nhận xét góp ý, những kinh nghiệm quý giá anh chia sẻ đã giúp em hoàn thiện hơn các bài viết của mình.

Em xin cảm ơn thầy Nguyễn Tài Diễn, người đã dạy em vỡ lòng về IELTS nói chung và IELTS Writing nói riêng. Cảm ơn thầy vì những bài giảng đầy máu lửa và sự nhiệt huyết của thầy đã khiến em thêm yêu nghề sư phạm cũng như thêm say mê rèn luyện kĩ năng Writing.

Tôi muốn cảm ơn ban lãnh đạo của The IELTS Workshop, đặc biệt là chị Hoa, đã tin tưởng tôi với dự án này. Writing đã là niềm đam mê từ lâu của tôi và được trao cơ hội chia sẻ những kiến thức mình đúc kết được qua nhiều năm nghiên cứu là một điều tôi vô cùng trân trọng.

Cảm ơn anh Khánh, trưởng phòng đào tạo của trung tâm The IELTS Workshop và là cấp trên trực tiếp của tôi, đã hỗ trợ tôi trong công tác chuyên môn và hết sức tạo điều kiện cho tôi trong quá trình viết sách. Giai đoạn viết sách cũng trùng với thời điểm trong phòng đào tạo có rất nhiều dự án, và sự thấu hiểu, sắp xếp của anh Khánh là một sự giúp đỡ to lớn để tôi có thể đi được tới vạch đích.

Và cuối cùng, xin cảm ơn các em – những học sinh thân yêu của tôi. Các em là nguồn năng lượng tích cực khiến tôi không cho phép mình ngừng trau dồi kĩ năng giảng dạy và bồi đắp kiến thức chuyên môn, khiến tôi muốn dốc hết sức để có thể hoàn thành cuốn sách này.

Tác giả Đặng Bích Phương

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

How to crack the IELTS Writing test – Vol 1 sẽ là nguồn tham khảo hữu ích cho các thí sinh IELTS ở trình độ **từ 5.5** đang chuẩn bị bước vào kì thi với mục tiêu đạt band điểm kĩ năng Writing ở **mức 6.5 trở lên**.

Quyển sách gồm 6 chủ đề thông dụng, trong đó từng chủ đề lại được minh họa với 4 đề bài thường gặp trong IELTS Writing Task 2.

- Opinion
- Discussion
- Pros & Cons
- Two-Part Question (Problems – Solutions & Causes – Solutions)

Mỗi đề bài được chia thành bốn phần chính:

- 1) **Outline**: Tóm lược bằng tiếng Việt các ý chính được sử dụng trong bài, giúp bạn đọc dễ dàng ghi nhớ và hiểu rõ được nội dung chính. Để khiến các bài mẫu gần gũi với người đọc hơn, các tác giả đã lựa chọn những ý tưởng đơn giản, dễ nghĩ ra. Điều này cũng đồng thời giúp người đọc tập trung hơn vào cách phát triển ý cũng như ngôn ngữ viết trong bài.
- 2) **Topic Vocabulary** và **Topic Vocabulary Review**: Trang bị các từ vựng cần thiết với giải nghĩa cụ thể, giúp bạn đọc làm giàu vốn từ vựng nâng cao của từng chủ đề. Các từ vựng này sẽ được **highlight xanh** trong bài viết.
- 3) **Bài luận mẫu** (tiếng Anh và phần dịch tiếng Việt):
 - **Phần tiếng Anh**: Bài luận mẫu được viết theo nhiều cách trả lời khác nhau, thậm chí một số đề có 2-3 bài luận mẫu linh hoạt, khiến cuốn sách có giá trị tham khảo với nhiều đối tượng bạn đọc.

Tuy vậy, tựu chung có 2 phương pháp tiếp cận chính được sử dụng:

- **Single-idea paragraph** (Đoạn văn một ý): Tập trung phân tích đào sâu ý tưởng
- **Multiple-idea paragraph** (Đoạn văn nhiều ý): Mang tính chất liệt kê, dễ áp dụng
- **Phần tiếng Việt**: Dịch sát ý bài mẫu, hỗ trợ bạn đọc hiểu trọn vẹn bài viết và tránh dịch từ đối từ.

4) *General Vocabulary* và *General Vocabulary Review*: Tổng hợp các từ vựng đắt giá được sử dụng trong bài, có giải nghĩa và ví dụ cụ thể. Các từ vựng này sẽ được **highlight vàng** trong bài viết.

Bên cạnh đó, các câu ví dụ minh họa cũng được trau chuốt kĩ lưỡng, sử dụng nhiều cụm từ vựng hay và đắt giá giúp các bạn ghi điểm trong phần thi IELTS Writing. Những từ/ cụm từ này sẽ được để màu xanh lá.

Các tip sử dụng cuốn sách hiệu quả

Với mỗi đề bài, bạn hãy tự tìm cách giải quyết (tìm hiểu đề, lập dàn ý), sau đó mới đọc và phân tích bài mẫu – tập trung vào các điểm ngữ pháp, yếu tố từ vựng, độ mạch lạc và cách diễn giải câu trả lời – 4 tiêu chí chấm điểm IELTS Writing. Làm kĩ các bước này sẽ giúp bạn nhớ lâu, hiểu bài và vận dụng dễ dàng hơn.

Một cách khác là bạn tự viết bài theo dàn ý đã được lên sẵn trong sách, sau đó đối chiếu bài luận của bạn với bài luận mẫu. Cách học này phù hợp với những bạn đang muốn tập trung cải thiện kĩ năng phát triển ý, kết nối câu, ngữ pháp và từ vựng nâng cao.

Cuối cùng, đừng bỏ qua bài tập bổ trợ để củng cố vốn từ của mình nhé. Đối với những bài tập trong *Topic Vocabulary*, có những bài không chỉ giúp bạn ôn tập lại các từ vựng đã đưa ra mà còn hỗ trợ bạn phát triển thêm ý tưởng và tư duy về chủ đề đó. Đối với những bài tập trong *General Vocabulary*, các từ vựng và cách diễn đạt hữu dụng nhất đã được chất lọc để bạn có thể luyện tập và sử dụng trong những bài viết, văn cảnh khác.

MỤC LỤC



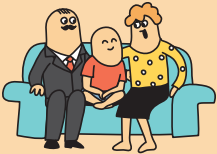
CHAPTER 01

EDUCATION11



CHAPTER 02

ENVIROMENT63



CHAPTER 03

FAMILY115



CHAPTER 04

HISTORY152



CHAPTER 05

MEDIA203



CHAPTER 06

TECHNOLOGY249

ANSWER KEY287

CHAPTER 01

EDUCATION



01.



Some people believe that everyone has a right to have access to university education and that governments should make it free for all students no matter what financial background they have. To what extent do you agree or disagree?

CÂN BẰNG (50/50)



VỀ 1

Tôi đồng ý
[Chính phủ nên miễn học phí
đại học.]

★ Ý chính

Có lợi cho cá nhân

★ Giải thích

Cử nhân đại học, đặc biệt là người có hoàn cảnh khó khăn, sẽ dễ tìm được công việc và có cuộc sống tốt hơn.

★ Ý chính 2

Có lợi cho xã hội

★ Giải thích

Chính sách này sẽ mang lại lực lượng lao động chất lượng cao hơn, từ đó dẫn tới nền kinh tế thịnh vượng và xã hội văn minh.

VỀ 2

Tôi không đồng ý
[Việc miễn học phí đại học
sẽ ảnh hưởng xấu tới
sinh viên và xã hội.]

★ Ý chính

Ảnh hưởng xấu tới sinh viên

★ Giải thích

Thị trường lao động ngày càng cạnh tranh cao, do vậy nếu có quá nhiều cử nhân, tấm bằng đại học dần sẽ khó đảm bảo việc làm cho họ.

★ Ý chính 2

Ảnh hưởng xấu tới xã hội

★ Giải thích

Chi trả toàn bộ học phí đại học sẽ gây áp lực cho ngân sách nhà nước, dẫn đến thâm hụt ngân sách, tăng thuế hoặc giảm phúc lợi xã hội.



abolish tuition fees (v)

- ★ waive tuition (v): miễn học phí
- ★ pursue college without fee (v): học đại học miễn phí
- ★ cover higher education tuition (v): chi trả học phí đại học
- ★ tuition waiver (n): (một dạng học bổng) miễn học phí
- ★ free-college policy (n): chính sách miễn học phí đại học
- ★ provision of free-of-charge education (n): việc cung cấp giáo dục miễn phí

★ miễn học phí



affordability of higher education (n)



★ khả năng chi trả cho giáo dục bậc cao/ giáo dục đại học

be entitled to university (v)

- ★ be entitled to attend tertiary education (v): được quyền học đại học

★ được quyền vào đại học



TOPIC

VOCABULARY

bachelor's degree holder (n)



- ★ college qualification (n): bằng đại học
- ★ acquisition of a tertiary degree (n): việc giành được tấm bằng đại học

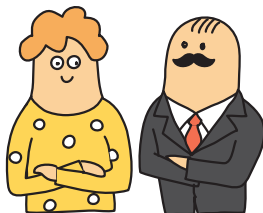
★ người có bằng cử nhân

gross enrolment rate (n)



★ tổng tỉ lệ nhập học (trong bài này nói về bậc đại học)

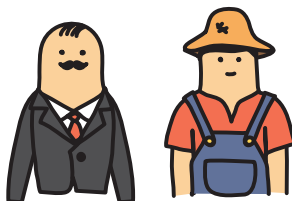
more educated workforce (n)



★ lực lượng lao động có trình độ học vấn cao hơn

socio-economic background (n)

- ★ financial status (n): tình trạng tài chính



★ hoàn cảnh kinh tế-xã hội (liên quan đến giai cấp và tình trạng tài chính)

The proposal is meant to close a growing gap among students from different **socio-economic backgrounds**.



Exercise: Free college education.

a) What are some alternative words for 'university education'?

- h..... e.....
- c.....
- t..... education

b) What are some alternative words for 'remove tuition'?

- w..... tuition
- a..... tuition

c) What are some alternative words for 'university degree'?

- b..... d.....
- c..... q.....
- t..... d.....

d) What are some alternative words for 'university graduates'?

- b..... d..... h.....

e) What are some alternative words for 'study' in the phrase 'study university'?

- a.....
- p.....

f) What is the alternative word for 'cheap' in the phrase 'cheap university education'?

- a.....



SAMPLE

As tuition fees have been inexorably increasing in recent years, the affordability of higher education has always been a topic of interest. It is argued that the government should abolish college tuition fees, irrespective of students' socio-economic background. While this thinking is valid to a certain extent, I believe that waiving tuition would have an adverse bearing on both students and society.

There are many compelling reasons why students should be allowed to pursue college without fee. On the individual level, bachelor's degree holders, especially the underprivileged, will stand a better chance of landing higher-paid jobs and bettering their life quality. On the societal level, a surge in the gross enrollment rate, prompted by a free-college policy, would give rise to a more educated workforce. This acts as a precursor to not only a thriving economy but also a civilized society.

Despite the aforementioned benefits, I would contend that the provision of free-of-charge higher education is, in fact, can do both the beneficiaries and society a disservice. The impact of more college graduates on employment is questionable at best. The job market has become very competitive as it is, even for job seekers with college qualifications. Therefore, if everyone is entitled to university, it is no longer feasible for them to find a job, let alone the financial abundance previously so often associated with the acquisition of a tertiary degree. In addition to this, the enormous cost incurred to cover higher education tuition will put a strain on government coffers, leading to budget deficits, tax hikes, or reduced welfare among others.

In conclusion, while the potential benefits of university tuition waivers make it seem like a good idea, I believe that the government should not make it free for everyone.

290 words – written by Phuong Dang



TRANSLATION

Vì học phí (đại học) đã và đang tăng lên không ngừng trong những năm gần đây, khả năng chi trả cho giáo dục bậc cao luôn là một chủ đề được quan tâm. Có ý kiến cho rằng chính phủ nên miễn học phí ở bậc đại học, không phân biệt hoàn cảnh kinh tế-xã hội của sinh viên. Dù suy nghĩ này có giá trị ở một mức độ nhất định, tôi tin rằng việc miễn học phí sẽ có ảnh hưởng xấu tới các sinh viên và xã hội.

Có nhiều lý do thuyết phục cho việc tại sao sinh viên nên được tạo điều kiện để theo học đại học mà không phải trả phí. Ở cấp độ cá nhân, những người có bằng cử nhân, đặc biệt là những người bị thiệt thòi về quyền lợi, sẽ có cơ hội tốt hơn để có được những công việc được trả lương cao hơn và cải thiện chất lượng cuộc sống của họ. Ở cấp độ xã hội, sự gia tăng tổng tỉ lệ nhập học, được thúc đẩy bởi chính sách miễn học phí đại học, sẽ tạo ra lực lượng lao động có trình độ học vấn cao hơn. Điều này đóng vai trò tiền đề không chỉ cho một nền kinh tế thịnh vượng mà còn cho một xã hội văn minh.

Bất chấp những lợi ích đã đề cập ở trên, tôi vẫn cho rằng việc cung cấp giáo dục bậc cao miễn phí, trên thực tế, có thể gây ảnh hưởng xấu lên những người thụ hưởng và cả xã hội. Tác động của việc có nhiều sinh viên tốt nghiệp đại học hơn tới việc làm là đáng ngại nhất. Thị trường việc làm vốn đã rất cạnh tranh, ngay cả khi những người tìm việc có bằng cử nhân. Do đó, nếu mọi người đều có quyền học đại học thì chuyện kiếm được việc sẽ không còn khả thi với họ nữa, chưa nói đến gánh nặng tài chính trước đó thường đi đôi với việc giành được tấm bằng đại học. Thêm vào đó, chi phí khổng lồ phải trả cho học phí giáo dục bậc cao sẽ gây áp lực cho ngân sách chính phủ, dẫn đến thâm hụt ngân sách, tăng thuế hoặc giảm phúc lợi cho những đối tượng khác.

Tóm lại, dù những lợi ích tiềm năng của việc miễn học phí đại học khiến việc này có vẻ là một ý tưởng hay, nhưng tôi tin rằng chính phủ không nên miễn học phí đại học cho tất cả mọi người.



GENERAL VOCABULARY

inexorable (a)

★ continuing without any possibility of being stopped

Recent decades have witnessed the **inexorable technological advances**.

topic of interest (n)



★ a topic that many people want to know about

How to **gain work-life balance** is a **topic of general interest**.

have an adverse bearing on (v)



★ have a bad effect on

High **parental expectations** can **have an adverse bearing** on student outcomes.

compelling reason (n)

- ★ valid reason (n): true, reasonable explanation
- ★ justification (n): good reason or explanation for something
- ★ rationale (n): good reason or explanation for something



★ strong, persuasive reason

Personal development is among the most **compelling reasons** why students should join a club in college. The rationale for using this teaching method is to **boost student confidence**.



GENERAL VOCABULARY

the underprivileged (n)

- ★ the disadvantaged (n): poor people



poor people

The charity is raising money for **the underprivileged** who suffered most from floods.

stand a chance of (v)

- ★ passport to sth: a certain way of getting something you want

be likely or able to do something successfully.

He doesn't **stand a chance** of winning against such an experienced player.
A degree can no longer be a passport to **job opportunities**.

land a high-paid job (v)

- ★ secure a high-paid job (v): get jobs with high salary



get jobs with high salary

It is not easy to **land a high-paid job**.

thriving economy (n)

- ★ prosperity (n): the state of being successful and having a lot of money



growing, successful economy

Since the last 20th century, Singapore has gone from **a third world** to **developed country** with **a thriving economy**, continually leading most global rankings.

tax hikes (n)

tax increase

The public raised **a great hue and cry** about **tax hikes**.



GENERAL VOCABULARY

do sb/ sth a disservice (v)



to do harm to

The fans' rude behavior has **done the game a great disservice**.

questionable at best (idm)



not certain, even if the best possible result happens



Any conclusions drawn from this would be **questionable at best**.

as it is (idm)



already

I can't help. I've got too much to do **as it is**.

put a strain on (v)



to put pressure on something



Financial problems have **put a strain on** their relationship.

coffers (n)



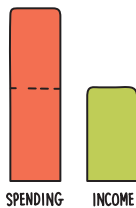
the financial accounts of a government or an organization

Tourism brought \$200 million into local government **coffers**.

budget deficit (n)



the state when spending is much more than income.



Many countries are suffering from soaring unemployment, and large **budget deficits**.

reduced welfare (n)



the state of less success and money



The economic crisis has led to **reduced welfare**.



Exercise: Fill in the blanks with one of the words above. You may have to change the form of the word to match the sentence.

1. Empowering **the** lies in assuring them that education holds the real source of power.

Meaning: poor people

2. The workshop revolves around tips on how to best gain the attention of a headhunter and effective strategies to help **a high-paid job**.

Meaning: get

3. In a bizarre twist, the continuing rise in fuel taxes could force the petrol companies themselves to **prices** further.

Meaning: increase

4. Since costs tend to rise, attempts to stabilize public spending have essentially meant cuts in actual services.

Meaning: continue without any sign of being stopped

5. Regular consumption of red and processed meat can **do a major** **to** public health.

Meaning: harm

6. The Christmas spending spree is under way, and just shopping for presents can **put a** **on** budgets.

Meaning: pressure

7. **Animal** is a complicated issue, as confronting animal cruelty and taking action to stop it would require a greater effort and sacrifice than most people are willing to make.

Meaning: happiness

PHẢN BIỆN (60/40)



40

Tôi không đồng ý
[Việc miễn học phí đại học
được cho là có lợi, nhưng
suy nghĩ này không hợp lý.]

★ Ý chính

Một số người cho rằng nên miễn học phí đại học.

★ Giải thích

Cử nhân đại học, đặc biệt là người có hoàn cảnh khó khăn, sẽ dễ tìm được cơ hội việc làm.

★ Phản biện:

Suy nghĩ này là sai.

★ Giải thích

Quá nhiều cử nhân có thể làm tăng tỉ lệ thất nghiệp trẻ.

60

Tôi không đồng ý
[Việc miễn học phí đại học
sẽ ảnh hưởng xấu tới
học sinh và xã hội.]

★ Ý chính

Ảnh hưởng xấu tới thành tích học tập của sinh viên

★ Giải thích

Hiện nay, đa số sinh viên phải tự trả học phí, nên họ sẽ học nghiêm túc. Do vậy, bỏ học phí có thể khiến họ thờ ơ với việc học và mất đi động lực, từ đó dẫn đến kết quả học tập giảm sút.